

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Hồng Nga;
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1996; thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Đường D, tổ A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Hoàng Xuân V, sinh năm 1993; thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Đường D, tổ A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Bà L và ông V có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì về chung sống. Bà và ông V có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2015 ngày 12/8/2015. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại thành phố T, tỉnh Bình Dương sau đó chuyển về

phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2024 thì mâu thuẫn vợ chồng lên đỉnh điểm. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong tất cả các vấn đề trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều lần vợ chồng cãi nhau trước mặt con cái, ông V dùng những lời lẽ sỉ nhục và xúc phạm bà. Bà L đã tha thứ nhiều lần, có lần đã chuyển ra ở riêng nhưng ông V vẫn không thay đổi. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể ngồi lại nói chuyện với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà L đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Xuân V.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Lê Thảo N, sinh ngày 29/01/2016 và Hoàng Tuấn K, sinh ngày 01/01/2019. Trong đơn khởi kiện bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Hoàng Lê Thảo N, sinh ngày 29/01/2016 và giao con chung tên Hoàng Tuấn K, sinh ngày 01/01/2019, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà L đã thay đổi yêu cầu về con chung, theo đó bà L đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Bà L hiện làm Spa dưỡng sinh, tự mở tiệm để kinh doanh riêng nên có việc làm ổn định, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng/tháng, sắp xếp được thời gian phù hợp để đưa đón các con đi học. Ông V làm nghề lái xe tải đường dài nên không sắp xếp được thời gian hợp lý để chăm sóc các con. Hơn nữa, các con hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, trước đến nay đều ở với bà. Vì vậy, bà L đề nghị Tòa án giao hai con cho bà nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng thì ông V vẫn tự N1 thực hiện chứ bà không yêu cầu.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Hoàng Xuân V trình bày: Ông V và bà L có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì về chung sống. Ông V và bà L có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2015 ngày 12/8/2015. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại thành phố T, tỉnh Bình Dương sau đó ông bà chuyển về phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2024 thì mâu thuẫn vợ chồng lên đỉnh điểm. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên có lúc xảy ra cãi nhau, đôi lúc nóng giận quá thì ông đã dùng những lời lẽ không đúng với vợ. Sau đó, ông đã nhận lỗi nhưng vợ mãi không tha thứ mà quyết định nộp đơn đến tòa. Theo ông vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ nên chưa đến mức trầm trọng để ly hôn. Ông xác định vẫn còn yêu thương vợ và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nên ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, nếu vợ vẫn nhất quyết ly hôn, không cho vợ chồng thêm cơ hội nào nữa thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông V xác định quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Lê Thảo N, sinh ngày 29/01/2016 và Hoàng Tuấn K, sinh ngày 01/01/2019. Ông cũng mong muốn được quyền nuôi dưỡng hai con. Ông làm nghề lái xe, thường xuyên đi làm nhiều ngày mới về, thu nhập trung bình của ông khoảng 20.000.000 đồng/tháng. Nếu Tòa án giao con cho ông thì ông sẽ chuyển công việc để có thời gian làm việc giờ hành chính và chăm sóc con cái.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Hoàng Xuân V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị L và ông Hoàng Xuân V đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Hoàng Xuân V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2015 ngày 12/8/2015, việc kết hôn là tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Lê Thị L xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài mà không thể hàn gắn được nên bà Lê Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Xuân V. Ông V thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nhưng xác định chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên, nếu bà L nhất quyết ly hôn thì ông đồng ý. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Bà L và ông V đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông V mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng cho đến ngày Tòa án xét xử bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Điều này chứng tỏ, mâu thuẫn giữa bà L và ông V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà L yêu cầu được ly hôn

với ông V là có căn cứ chấp nhận theo các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà L và ông V xác định, quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) người con chung tên Hoàng Lê Thảo N, sinh ngày 29/01/2016 và Hoàng Tuấn K, sinh ngày 01/01/2019. Cả bà L và ông V đều có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ông V làm nghề lái xe không có thời gian cố định để chăm sóc các con. Các cháu N và K hiện còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ, từ trước tới nay các cháu đều sống cùng với mẹ. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu N là được sống cùng mẹ. Vì vậy, để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của con chưa thành niên, căn cứ vào các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án giao cháu N và K cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà L và ông V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 3, 17, 18, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với ông Hoàng Xuân V về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Hoàng Xuân V. (Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2015 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 12/8/2015).

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Hoàng Lê Thảo N, sinh ngày 29/01/2016 và Hoàng Tuấn K, sinh ngày 01/01/2019 cho bà Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị L về việc không yêu cầu ông Hoàng Xuân V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà L và ông V đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông

V lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà L nuôi con thì bà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Lê Thị L và ông Hoàng Xuân V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007690, ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS thành phố D (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VP, HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân